



The Design of Box of Ventinat

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.*

## VENTINAT 1g/2g

**Tên thuốc:** VENTINAT 1g/2g

**Thành phần:** Mỗi gói (2g) chứa 1g Sucralfate

Tá dược: Maize starch, Lactose monohydrate, Povidone

**Dạng bào chế:** Hạt cốm

**Quy cách đóng gói:** 50 gói 2g/hộp

**Chỉ định:**

Điều trị loét dạ dày tá tràng, viêm dạ dày mạn tính, loét lành tính.

Phòng tái phát loét tá tràng, phòng loét do stress.

Điều trị bệnh trào ngược dạ dày - thực quản.

**Liều dùng và cách sử dụng:**

Sucralfat không nên dùng cùng thức ăn. Phải uống vào lúc đói.

*Loét tá tràng:*

2 gói/lần, mỗi ngày uống 2 lần vào buổi sáng và trước khi đi ngủ.

Với vết loét nhỏ, cần điều trị trong 4 tuần.

Với vết loét lớn, cần điều trị trong 8 tuần.

*Loét dạ dày lành tính:*

Người lớn: 1gói/lần; ngày uống 4 lần.

Điều trị tiếp tục đến khi vết loét lành hẳn (kiểm tra bằng nội soi). Thường cần phải điều trị 6 - 8 tuần.

Người bệnh cũng cần được điều trị để loại trừ vi khuẩn *Helicobacter pylori* tối thiểu bằng metronidazol và amoxicilin, phối hợp với sucralfat và với một thuốc chống tiết acid như thuốc ức chế H<sub>2</sub> histamin hay ức chế bơm proton.

*Phòng tái phát loét tá tràng:*

1 gói/lần, ngày uống 2 lần. Điều trị không được kéo dài quá 6 tháng.

Loét tá tràng tái phát là do vi khuẩn *Helicobacter pylori*; để loại trừ *Helicobacter pylori*, cần cho một đợt điều trị mới bằng sucralfat phối hợp với kháng sinh.

*Điều trị trào ngược dạ dày - thực quản:*

1 gói/lần, ngày uống 4 lần, một giờ trước mỗi bữa ăn và khi đi ngủ.

**Chống chỉ định:**

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của chế phẩm.

**Thận trọng:**

Dùng thận trọng ở người suy thận do nguy cơ tăng nồng độ nhôm trong huyết thanh; nhất là khi dùng dài ngày. Trường hợp suy thận nặng, nên tránh dùng.

**Tác dụng phụ:**

*Thường gặp, ADR >1/100*

Tiêu hóa: Táo bón.

*Ít gặp: 1/1000 < ADR < 1/100*

Tiêu hóa: Ỉa chảy, buồn nôn, nôn, đầy bụng, khó tiêu, đầy hơi, khô miệng.

Ngoài da: Ngứa, ban đỏ.

Thần kinh: Iloa mắt, chóng mặt, mất ngủ, buồn ngủ.

Các tác dụng phụ khác: Đau lưng, đau đầu.

*Hiếm gặp, ADR <1/1000*

Phản ứng mẫn cảm: Mày đay, phù Quincke, khó thở, viêm mũi, co thắt thanh quản, mặt phù to.

Dị vật dạ dày.

#### **Hướng dẫn xử trí ADR**

Các tác dụng không mong muốn của sucralfat ít gặp và cũng hiếm trường hợp phải ngừng thuốc.

**Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.**

#### **Tương tác với thuốc khác:**

Có thể dùng các antacid cùng với sucralfat trong điều trị loét tá tràng để giảm nhẹ chứng đau. Nhưng không được uống cùng một lúc vì antacid có thể ảnh hưởng đến sự gắn của sucralfat trên niêm mạc. Nên dặn người bệnh uống antacid trước hoặc sau khi uống sucralfat một nửa giờ.

Các thuốc cimetidin, ranitidin, ciprofloxacin, norfloxacin, ofloxacin, digoxin, warfarin, phenytoin, theophylin, tetracyclin khi uống cùng với sucralfat sẽ bị giảm hấp thu. Vì vậy phải uống những thuốc này 2 giờ trước hoặc sau khi uống sucralfat.

#### **Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:**

*Thời kỳ mang thai*

Chưa xác định được tác dụng có hại đến thai. Tuy nhiên, khi mang thai chỉ nên dùng thuốc trong trường hợp thật cần thiết.

*Thời kỳ cho con bú*

Chưa biết sucralfat có bài tiết vào sữa hay không. Nếu có bài tiết vào sữa mẹ, lượng sucralfat cũng sẽ rất ít, vì thuốc được hấp thu vào cơ thể rất ít.

#### **Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc:**

Do các tác dụng phụ của thuốc như hoa mắt, chóng mặt, mất ngủ, buồn ngủ có thể ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc. Do đó, cần thận trọng khi dùng cho các đối tượng này.

#### **Đặc tính dược lực học:**

Sucralfat là một muối nhôm của sulfat disaccharid, dùng điều trị loét dạ dày. Cơ chế tác dụng của thuốc là tạo một phức hợp với các chất như albumin và fibrinogen của dịch ri kết dính với ổ loét, làm thành một hàng rào ngăn cản tác dụng của acid, pepsin và mật. Sucralfat cũng gắn trên niêm mạc bình thường của dạ dày và tá tràng với nồng độ thấp hơn nhiều so với vị trí loét. Sucralfat còn ức chế hoạt động của pepsin, gắn với muối mật, làm tăng sản xuất prostaglandin E2 và dịch nhầy dạ dày.

#### **Đặc tính dược động học:**



Có tới 5% phần disacarid và dưới 0,02% nhôm được hấp thu vào cơ thể sau khi uống một liều sucralfat. Phần lớn thuốc được đào thải ra phân, chỉ có một lượng nhỏ sulfat disacarid thải ra nước tiểu.

**Quá liều:**

Một số triệu chứng xảy ra khi quá liều Sucralfat: Rối loạn tiêu hóa, đau bụng, buồn nôn và nôn.  
Xử trí: Ngừng dùng thuốc và điều trị triệu chứng.

**BẢO QUẢN:** Bảo quản tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

**HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Đề xa tâm tay trẻ em

Nhà sản xuất:

**Krka, d. d., Novo mesto**

Địa chỉ: Šmarješka cesta 6, SI-8501 Novo mesto, Slovenia.



PHÓ CỤC TRƯỞNG  
*Nguyễn Văn Thanh*



GIÁM ĐỐC  
*Lê Thiết Cương*

